

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2019/HS-ST
Ngày 07 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Văn Chi và bà Nguyễn Thị Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Mạnh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 139/2019/TLST-HS ngày 18/10/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2019/QĐXXST-HS ngày 25/10/2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh N, sinh năm 1980 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi ĐKNKTT: tổ 4, phường MK, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: tổ dân phố HL, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Q1 và bà Phạm Thị S1; có vợ là Trần Thị Thùy L1, sinh năm 1985 và 01 con sinh ngày 24/7/2018; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2019 đến ngày 19/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

2. Nguyễn Tri P, sinh năm 1973 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: tổ 2, phường TT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Quý L2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T2; có vợ là Nguyễn Thị N2, sinh năm 1972; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2019 đến ngày 19/7/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

3. Đặng Văn K, sinh năm 1968 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi cư trú: thôn TĐ, xã TL, huyện BL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Quốc K3 và bà Phạm Thị V; có vợ là Phạm Thị

S3, sinh năm 1972; con: có 04 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2019 đến ngày 19/7/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

4. Đào Văn T, sinh năm 1978 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi ĐKHKTT: thôn TH, xã VL, huyện LN, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: tổ dân phố BC, phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đào Minh S4 và bà Bùi Thị N; có vợ là Đặng Thị Thanh T4, sinh năm 1981 (đã ly hôn năm 2016); con: có 03 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 10/7/2019 đến ngày 19/7/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

5. Trần Văn M, sinh năm 1958 tại Hà Nam; tên gọi khác: không; nơi ĐKHKTT: tổ 1, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: tổ dân phố MN, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 08/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn B (đã chết) và bà Trần Thị T; có vợ là Trần Thị H, sinh năm 1971; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1992, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ từ ngày 11/7/2019 đến ngày 19/7/2019 áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

6. Lê Văn K2 (tức Lê Minh K2), sinh năm 1962 tại Hà Nam; nơi ĐKHKTT: thôn KT, xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: tổ 1, phường QT, thành phố PL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T và bà Phạm Thị Q (Phan Thị Q) (đều đã chết); có vợ là Phạm Thị L, sinh năm 1964; con: có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1991; tiền án: Ngày 08/6/2017, Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 05/02/1991, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2019 đến nay; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ tạm giam Công an thành phố Phủ Lý; có mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị Lê Phương T, sinh năm 1991; trú tại: thôn KT, xã LS, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có mặt.

*** Người chứng kiến:** Ông Trần L, sinh năm 1950; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 10/7/2019, Phạm Minh N đi đến nhà Trần Văn M ở tổ dân phố MN, phường LC, thành phố PL, trên đường đi N gọi điện rủ Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2 đến cùng uống nước và bàn chuyện làm ăn. Sau đó T, K, K2 đi đến vào ngồi uống nước cùng N và M. Một lúc sau, N nói “*mấy anh em*

làm tí lốc nhĩ”, K2, K hiểu ý N rủ cả nhóm đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh “lốc” nên đồng ý, M nói “chơi bời thì ra ngoài mà chơi, ở đây còn có cháu nhỏ”. N hiểu ý M cho mượn ngôi nhà ở số 175, đường ĐTH thuộc tổ 1, phường THĐ, thành phố PL, tỉnh Hà Nam đang sửa chữa để đánh bạc. Sau đó K2 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu đen, BKS 90C-085.54 chở K, N đi thì M gọi điện thoại cho Nguyễn Tri P rủ P đến số nhà 175, đường ĐTH uống nước. Khi N, K, K2 đến số nhà 175 đường ĐTH thì gặp bà Trần Thị H (là vợ của M) đang lau dọn nhà. N, K, K2 đi vào tầng 1 xem nhà của M sửa chữa như thế nào được khoảng 15 phút thì T đến. Lúc này N, K2, K, T đi lên tầng 2 thăm quan các phòng thì bà H mang nước đi lên cùng mời tất cả uống nước, sau đó bà H đi xuống dưới tầng 1 dọn nhà. Sau khi đi thăm quan thì N, K, K2 đi vào phòng ngoài cùng của tầng 2, N nhìn thấy hai bộ bài tú lơ khơ để ở góc tường rồi cùng K, K2 ngồi xuống chiếu đã có sẵn dưới nền nhà bắt đầu đánh bạc ăn tiền dưới hình thức chơi “Lốc” thì T đi vào cùng tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, P đến thấy N, K2, K, T đang ngồi đánh bạc ở tầng 2 nhưng không thấy M, P nhắn tin cho M nói “anh đang ở đâu đây có bốn anh em đang chơi rồi, anh không chơi thì em cũng về thôi”, M trả lời “5 giờ anh mới đến”. Sau đó, P vào tham gia đánh bạc ăn tiền cùng N, K2, K, T. Một lúc sau thì M đến, ngồi xem cả nhóm đánh bạc, M nói: “anh em chơi thì bỏ ra vài trăm để dọn nhà và mua nước”. K, P, T, K2, N hiểu ý M muốn thu tiền “phế” nên thống nhất mỗi ván “xin lốc” thành công, người “xin lốc” phải trích lại số tiền 100.000đ đến khi nào nghỉ được bao nhiêu sẽ đưa cho M để trả tiền mượn nhà đánh bạc. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày M đi về nhà ở khu đô thị CEO thuộc tổ dân phố Mễ Nội, phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý để ăn cơm. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì M quay lại số nhà 175, đường ĐTH để bảo N, K2, K, T, P nghỉ chơi. Khi M mở cửa đi vào nhà thì cùng lúc này lực lượng Công an thành phố Phủ Lý phát hiện, bắt quả tang N, K2, K, T, P đánh bạc dưới hình thức chơi “Lốc” được thua bằng tiền.

Thu giữ vật chứng gồm:

- Thu giữ: Trên chiếu số tiền 700.000đ; 02 bộ bài tú lơ khơ (mỗi bộ gồm 52 quân bài có hoa văn màu xanh); 01 chiếc chiếu cói; 01 chiếc chiếu tre.

- Tạm giữ của Phạm Minh N: Trước mặt dưới chiếu số tiền 40.400.000đ, trong túi quần trước bên phải số tiền 212.000đ, 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 20.500.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu vàng.

- Tạm giữ của Đào Văn T: Trước mặt dưới chiếu số tiền 39.100.000đ, trong túi quần sau bên phải số tiền 790.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng - trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes - Benz màu xanh, BKS 90A-047.04.

- Tạm giữ của Nguyễn Tri P: Trước mặt dưới chiếu số tiền 14.100.000đ, 01 ví giả da màu nâu bên trong có số tiền 70.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 8800 màu vàng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng.

- Tạm giữ của Đặng Văn K: Trước mặt dưới chiếu số tiền 27.200.000đ, trong túi quần trước bên phải số tiền 13.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE màu trắng.

- Tạm giữ của Lê Văn K2: Trước mặt dưới chiếu số tiền 15.600.000đ, 01 ví giả da màu đen bên trong có số tiền 20.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu đen, BKS 90C-085.54.

- Tạm giữ của Trần Văn M: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ - đen.

Ngày 11/7/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã ra Lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Văn M về hành vi “Gá bạc”. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp đối với chỗ ở của Trần Văn M tại tổ 1, phường THĐ, thành phố PL và tổ dân phố MN, phường LC, thành phố PL. Quá trình khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án .

* Cách thức chơi và tỉ lệ thắng thua như sau:

Các bị cáo sử dụng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân bài để đánh bạc. Mỗi người chơi được chia mười quân (hay còn gọi là lá) bài, ván đầu tiên ai chia bài được đánh trước, các ván tiếp theo ai thắng thì được đánh trước. Khi chơi, người chơi có thể đánh bài “lẻ” (các lá bài lẻ không nằm trong bộ nào) trong đó lá bài “3” là nhỏ nhất và lá bài “2” là lớn nhất, hoặc đánh “bộ đôi” (một cặp gồm bộ hai lá bài cùng số) trong đó đôi “3” là bé nhất và đôi “2” là lớn nhất, hoặc đánh bộ “sáp” (bộ ba lá bài cùng số) trong đó sáp “3” là bé nhất, sáp “2” là lớn nhất, hoặc đánh “tứ quý” (bốn lá bài cùng số) trong đó tứ quý “3” là bé nhất, tứ quý “2” là lớn nhất, hoặc đánh bộ “sảnh” (bộ có ít nhất từ ba lá bài liền nhau trở lên) trong đó sảnh “Q, K, A” là lớn nhất. Người nào đánh hết bài trước thì thắng và những người còn lại thua và phải trả số tiền tương ứng với số lá bài còn trên tay, mỗi lá bài tương ứng 100.000đ (cho người thắng). Người nào có “sảnh 10” lá bài liền nhau, “tứ quý 2” hoặc “5 đôi” thì được “ăn trắng” nghĩa là được thu của mỗi người cùng chơi số tiền 2.000.000đ. Người nào không đánh được cây nào thì bị “cháy” và phải trả cho người thắng 2.000.000đ. Người nào “xin lóc” thì được đánh trước, nếu “xin lóc” thành công thì sẽ về nhất và được thu của mỗi người cùng chơi 2.000.000đ, nếu bị người chơi khác “chặn lóc” thì người xin lóc phải nộp cho người chặn lóc 8.000.000đ. Khi người chơi chỉ còn một quân bài thì phải “báo” cho người cùng chơi, người ngồi trước phải “chặn” bài để người báo không về nhất, nếu người báo về nhất thì người giữ “cửa” phải “đền” người báo số tiền tương ứng bằng tổng các quân bài còn lại của những người cùng chơi.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định, ngoài số tiền 700.000đ thu giữ trên chiếu bạc thì Phạm Minh N sử dụng số tiền 61.112.000đ để đánh bạc; Đào Văn T sử dụng số tiền 39.100.000đ để đánh bạc; Nguyễn Tri P sử dụng số tiền 14.100.000đ để đánh bạc; Đặng Văn K sử dụng số tiền 40.200.000đ để đánh bạc; Lê Văn K2 sử dụng số tiền 15.600.000đ để đánh bạc. Như vậy, tổng số tiền

Phạm Minh N, Đặng Văn K, Đào Văn T, Nguyễn Tri P, Lê Văn K2 sử dụng đánh bạc là 170.812.000đ.

* Tại bản cáo trạng số 142/CT-VKS-PL ngày 17/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đã truy tố: Phạm Minh N, Nguyễn Tri P, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2 về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự; Trần Văn M về tội “Gá bạc” theo điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý luận tội: Giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như cáo trạng, không thay đổi, bổ sung gì thêm. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề xuất Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo: Phạm Minh N, Nguyễn Tri P, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2 phạm tội “Đánh bạc”; Trần Văn M phạm tội “Gá bạc”.

- Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 50 (đối với Ngọc, P, K, Tuấn, K2); Điều 65 (đối với Ngọc, P, K, Tuấn); điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 (đối với Lê Văn K2) của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

+ Phạm Minh N, Nguyễn Tri P, Đặng Văn K, Đào Văn T mỗi bị cáo với mức án 36 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng.

+ Lê Văn K2 mức án từ 39 đến 42 tháng tù.

- Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn M từ 12 đến 18 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35 và khoản 3 Điều 321 (đối với Phạm Minh N, Nguyễn Tri P, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2); Điều 35; khoản 3 Điều 322 của Bộ luật Hình sự (đối với Trần Văn M): Phạt mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài có hoa văn màu xanh; 01 chiếc chiếu cói và 01 chiếc chiếu tre.

+ Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: số tiền 170.812.000 đồng (trong đó 700.000đ thu dưới chiếu; 61.112.000đ thu giữ của Phạm Minh N; 39.100.000đ thu giữ của Đào Văn T; 14.100.000đ thu giữ của Nguyễn Tri P; 40.200.000đ thu giữ của Đặng Văn K; 15.600.000đ thu giữ của Lê Văn K2) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng thu của Nguyễn Tri P.

+ Trả lại bị cáo Lê Văn K2: 01 ví giả da màu đen, số tiền 20.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen.

+ Trả lại bị cáo Nguyễn Tri P: Số tiền 70.000.000đ.

- Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Lê P Thúy trình bày: Ngày 10/7/2019 Lê Văn K2 là bố đẻ chị đã mượn xe ô tô của chị để đi, song chị không biết bị cáo K2 sử dụng xe đi đánh bạc. Nay Cơ quan điều tra đã trả lại chị xe ô tô, chị không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người tham gia tố tụng là người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của họ, được cơ quan điều tra tiến hành lấy lời khai theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[3] Đánh giá về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng đã thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 10/7/2019, tại nhà Trần Văn M ở tổ 1, phường THĐ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, Phạm Minh N, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2, Nguyễn Tri P đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Lốc” thì bị lực lượng Công an thành phố Phủ Lý phát hiện bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 170.812.000 đồng. (Trong đó có 700.000đ là tiền các bị cáo được “Lốc” bỏ ra để trả cho M do mượn địa điểm đánh bạc). Hành vi nêu trên của các bị cáo Phạm Minh N, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2, Nguyễn Tri P đã phạm tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Trần Văn M đã cho các bị cáo N, K, T, K2, P sử dụng nhà ở của mình để đánh bạc với tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 170.812.000đ và thu lợi

bất chính số tiền 700.000 đồng. Hành vi nêu trên của Trần Văn M đã phạm tội “Gá bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[4] Đánh giá về hình phạt:

* Hình phạt chính: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội và nếp sống văn minh đô thị tại địa phương. Hành vi của các bị cáo được thể hiện do lỗi cố ý. Hành vi này còn vi phạm về lối sống và giá trị xã hội tốt đẹp của dân tộc, là một trong những tác nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội khác đồng thời gây bất bình trong quần chúng nhân dân.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án phạm tội “Đánh bạc” thì thấy: Đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Trong vụ án này, Phạm Minh N là người khởi xướng, trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất. Các bị cáo Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2, Nguyễn Tri P trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò đồng phạm là những người đồng thực hành.

Khi lượng hình cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để áp dụng hình phạt cho phù hợp:

- Về tình tiết tăng nặng: Ngày 08/6/2017 Lê Văn K2 bị Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng về tội “Đánh bạc”, đến nay vẫn chưa được xóa án tích, nên lần phạm tội này bị cáo K2 phải chịu tình tiết tăng nặng là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo đều thành khẩn khai rõ hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Bị cáo Phạm Minh N được tặng giấy khen vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh, là lao động chính trong gia đình, có bố vợ là thương binh, có các bác ruột được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bằng khen, giấy khen; bị cáo Nguyễn Tri P được tặng bằng khen vì có đóng góp tích cực trong công tác Hội và phong trào doanh nhân, bản thân là lao động chính trong gia đình. Bị cáo Trần Văn M là lao động chính trong gia đình, có anh trai được tặng thưởng nhiều huân huy chương; Bị cáo Đào Văn T là lao động chính trong gia đình, có hoàn cảnh khó khăn nuôi ba con nhỏ và đã ly hôn, có bác ruột được tặng thưởng huân huy chương kháng chiến; Bị cáo Đặng Văn K là lao động chính trong gia đình, có cô ruột, chú ruột được tặng huy chương kháng chiến; Bị cáo Lê Văn K2 có mẹ đẻ được tặng huân huy chương kháng chiến. Do vậy, các bị cáo Phạm Minh Ng,

Nguyễn Tri P, Đào Văn T, Đặng Văn K, Trần Văn M và Lê Văn K2 đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn K2 là người có nhân thân xấu, ngoài tiền án như đã nêu trên thì ngày 05/02/1991 cũng đã từng bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam Ninh xử phạt về tội “Trộm cắp tài sản”; Các bị cáo Ngọc, K, Tuấn, P, Mậu đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Phạm Minh N, Đào Văn T, Đặng Văn K, Nguyễn Tri P, Trần Văn M ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo này cải tạo tại địa P dưới sự giám sát của chính quyền địa P cũng đủ răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ. Riêng bị cáo Lê Văn K2 cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và nâng cao hiệu quả công cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm.

* Về hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này trong tình hình hiện nay, xét cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo theo Điều 35; khoản 3 Điều 321 (đối với các bị cáo N, P, T, K, K2) và Điều 35; khoản 3 Điều 322 (đối với bị cáo Mậu) của Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với: 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài có hoa văn màu xanh; 01 chiếc chiếu cói và 01 chiếc chiếu tre đã qua sử dụng, đây là công cụ các bị cáo sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 170.812.000 đồng (trong đó 700.000đ thu dưới chiếu; 61.112.000đ thu giữ của Phạm Minh N; 39.100.000đ thu giữ của Đào Văn T; 14.100.000đ thu giữ của Nguyễn Tri P; 40.200.000đ thu giữ của Đặng Văn K; 15.600.000đ thu giữ của Lê Văn K2) là số tiền các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng thu giữ của Nguyễn Tri P, P sử dụng điện thoại vào mục đích thực hiện hành vi phạm tội, nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 790.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng - trắng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu trắng, 01 xe ô tô nhãn hiệu Mercedes - Benz màu xanh, BKS 90A-047.04 thu giữ của Đào Văn T. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của T không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại các đồ vật, tài sản, số tiền 790.000đ trên cho bị cáo T là phù hợp pháp luật.

- Đối với: 01 ví giả da màu nâu, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus màu vàng thu giữ của Phạm Minh N; 01 điện thoại di động Nokia 8800 màu vàng, 01 ví giả da màu nâu thu giữ của Nguyễn Tri P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone SE màu trắng thu giữ của Đặng Văn K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel màu đỏ - đen thu giữ của Trần Văn M là tài sản hợp pháp của N, P, K, M không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại các đồ vật, tài sản trên cho N, P, K, M là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với: 01 ví giả da màu đen, số tiền 20.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen thu giữ của Lê Văn K2. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định là tài sản hợp pháp của K2 không liên quan đến vụ án cần trả lại cho K2, song tạm giữ lại số tiền để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger màu đen, BKS 90C-085.54 thu giữ của Lê Văn K2. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Lê P T (là con gái của Lê Văn K2). Ngày 10/7/2019 chị T cho K2 mượn xe ô tô để đi lại nhưng không biết K2 sử dụng để đi đánh bạc trái phép. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý đã trả lại chiếc xe ô tô trên cho chị T là phù hợp pháp luật.

- Đối với số tiền 70.000.000đ thu giữ của Nguyễn Tri P là tài sản hợp pháp của P không liên quan đến vụ án cần trả lại cho P, song tạm giữ lại số tiền để đảm bảo công tác thi hành án.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.
- Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58; Điều 35; Điều 47 của Bộ luật Hình sự (đối với Phạm Minh N, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2, Nguyễn Tri P).

- Áp dụng Điều 65 (đối với Ngọc, P, K, Tuấn); điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 (đối với K2) của Bộ luật Hình sự.

- Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 65; Điều 47; Điều 50 của Bộ luật Hình sự (đối với Trần Văn Mậu).

- Áp dụng các Điều 106, 136, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên bố các bị cáo: Phạm Minh N, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2 (tức Lê Minh K2), Nguyễn Tri P phạm tội “Đánh bạc”.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn M phạm tội “Gá bạc”.

3. Xử phạt:

- Phạm Minh N 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Nguyễn Tri P 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đặng Văn K 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Đào Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Trần Văn M 15 (mười lăm) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Lê Văn K2 39 (ba mươi chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2019.

Giao bị cáo Phạm Minh N cho Ủy ban nhân dân phường LH, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nguyễn Tri P cho Ủy ban nhân dân phường Thanh Tuyền, thành phố PL, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đặng Văn K cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện BL, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Đào Văn T cho Ủy ban nhân dân phường TC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Trần Văn M cho Ủy ban nhân dân phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Phạt bổ sung:

- Phạt các bị cáo Phạm Minh N, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2, Nguyễn Tri P, Trần Văn M mỗi bị cáo 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) sung Ngân sách nhà nước.

5. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 bộ bài tú lơ khơ, mỗi bộ gồm 52 quân bài có hoa văn màu xanh; 01 chiếc chiếu cói và 01 chiếc chiếu tre.

- Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước: Số tiền 170.812.000đ (một trăm bảy mươi triệu, tám trăm mười hai nghìn đồng) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu vàng.

- Trả lại bị cáo Lê Văn K2: 01 ví giả da màu đen, số tiền 20.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X màu đen, song tạm giữ lại số tiền để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Tri P số tiền 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng), song tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Phủ Lý và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý lập ngày 21/10/2019 và Ủy nhiệm chi số 67 ngày 24/10/2019).

6. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Phạm Minh N, Đặng Văn K, Đào Văn T, Lê Văn K2, Nguyễn Tri P, Trần Văn M, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Nhà tạm giữ Công an TP Phủ Lý;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ CSĐT CA thành phố Phủ Lý;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Phủ Lý;
- CQ THAHS có thẩm quyền;
- Bị cáo;
- Người có QL và NVLQ đến vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuyên

